

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày 07 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Thoan

Ông Hà Văn Dưa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021;

Đối với bị cáo: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1975, tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Th và bà Vũ Thị A (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến 01/01/2021 được trả tự do. Đến ngày 03/3/2021 bị cáo bị bắt để tạm giam cho đến nay; Có mặt.

* **Bị hại:** Chị Lương Thị H, sinh năm 1968; Trú tại: Khu 4, thị trấn S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hiện nay đang công tác tại: Phòng Tài chính – Kế hoạch UBND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Đức T thuê xe taxi do Đỗ Văn K, sinh năm 1981, trú tại xã Thiệu Ch, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa điều khiển đi từ nhà lên khu vực huyện Quan Hóa và huyện Quan Sơn. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức T bảo anh K chở Tài đến Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Quan Sơn. Khi đến UBND huyện Quan Sơn, thuộc khu 4, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, anh K ngồi trong xe đợi còn T đi bộ vào trong UBND huyện Quan Sơn. Nguyễn Đức T đi lên tầng 2, khi đi qua phòng Tài chính - Kế hoạch, Tài thấy cửa phòng mở, trong phòng không có người, nên Tài đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Đức T đi vào trong phòng, tìm kiếm tại khu vực bàn làm việc và lấy trộm 01 phong bì theo lời khai của T bên trong phong bì có số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi lấy được phong bì, Nguyễn Đức T nhanh chóng rời khỏi phòng đi đến xe Taxi bảo anh K chở về nhà trọ của T. Khi về đến nhà, Tài lấy số tiền trong phong bì cất vào trong ví da của mình.

Trên cơ sở đơn tố giác tội phạm của chị Lương Thị H cùng các tài liệu khác thu thập được, ngày 28/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Quan Sơn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức T, thu giữ 01 (một) ví da màu nâu, bên trong có 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) gồm 42 (bốn mươi hai) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn còn tạm giữ của Nguyễn Đức T 01 (một) Điện thoại di động OPPO A7, số IMEI1: 864267041097539, số IMEI 2: 864267041097585, gắn 02 (hai) số thuê bao gồm: 0943551975 và 0915540255.

Về nguồn gốc số tiền 21.000.000đ Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn thu giữ khi khám xét nơi ở của Tài. Nguyễn Đức T khai nhận ngoài số tiền 1.500.000đ mà Tài trộm cắp của chị Lương Thị H, số tiền còn lại là tiền mà T đã tiết kiệm từ lương hàng tháng; tiền thanh toán 02 Bảo hiểm nhân thọ; tiền do anh Vũ Xuân Th trả cho Tài. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Sơn đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định ngoài tiền lương hàng tháng nhận được qua hình thức chuyển khoản; Ngày 02/10/2020, Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential đã thanh toán cho T số tiền 22.466.300đ (hai mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm đồng); Ngày 09/11/2020, Công ty bảo hiểm nhân thọ Hawha Life thanh toán cho T số tiền 14.370.000đ (mười bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Ngày 27/10/2020 anh Vũ Xuân Th trả cho Nguyễn Đức T 8.000.000đ (tám triệu đồng). Quá trình điều tra xác định, trước và tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại UBND huyện Quan Sơn, Nguyễn Đức T đang vay

của 02 (hai) Ngân hàng và 02 (hai) Công ty tài chính gồm: Ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Hóa; Ngân hàng VPBank; Công ty tài chính Cổ phần Tín Việt; Công ty Tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam.

Quá trình điều tra, bị hại khai báo số tiền bị mất là 20.000.000đ trong khi đó Nguyễn Đức T chỉ thừa nhận đã trộm cắp của chị H số tiền 1.500.000đ Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chưa đủ căn cứ khẳng định Nguyễn Đức T đã trộm cắp số tiền 20.000.000 như bị hại khai báo.

Đối với 02 (hai) chiếc USB màu đen do chị Lương Thị H và anh Lê Thế A cung cấp trích xuất từ Camera an ninh lưu giữ hình ảnh của Nguyễn Đức T hiện đang được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Anh Đỗ Văn K là người đã chở Nguyễn Đức T lên huyện Quan Sơn, bản thân anh K không biết Tài vào UBND huyện Quan Sơn để trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSQS ngày 24/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quan Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- *Hình phạt chính:* Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án là từ 06 đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 43/2020/HSST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân TP Thanh Hóa thành hình phạt chung.

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Lương Thị H số tiền 1.500.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho bị hại Lương Thị H số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Đức T đã chiếm đoạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại số tiền 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 ví da; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 cho Nguyễn Đức T do không phải vật chứng vụ án.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS; Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; HĐXX đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 25/12/2020, Nguyễn Đức T vào trong UBND huyện Quan Sơn, đi lên tầng 2, khi đi đến phòng của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Tài thấy cửa phòng mở, trong phòng không có người, nên Tài đã lén lút, đột nhập vào phòng trộm cắp 01 phong bì có số tiền 1.500.000đ của chị Lương Thị H. Hành vi của bị cáo đã làm xáo trộn hoạt động bình thường của cơ quan hành chính Nhà nước, gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình, gây nên sự nghi ngờ, nghị kỵ lẫn nhau giữa các Phòng, Ban, giữa các cán bộ công chức trong UBND huyện Quan Sơn. Đặc biệt gây mất niềm tin về công tác đảm bảo ANTT, ATXH trong Cơ quan hành chính Nhà nước nói riêng và trên địa bàn huyện Quan Sơn nói chung. Như vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 1 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, HĐXX thấy rằng: Nguyễn Đức T là viên chức trong ngành giáo dục, nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện, không chịu khó làm việc, với mục đích để có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân. Trước đó, bị cáo cũng đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Sở Tài chính Thanh Hóa, bị Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Trong khi đang chấp hành thời gian thử thách thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại một phòng ban của cơ quan hành chính Nhà nước. Là người viên chức đang công tác trong ngành giáo dục, đáng lẽ Nguyễn Đức T phải luôn gương mẫu, đi đầu trong việc chấp hành pháp luật, nhưng bị cáo lại hết lần này đến lần khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều đó cho thấy rằng bị cáo coi thường, bất chấp pháp luật. Lạm phạm tội này, giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp tuy không lớn nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình, gây nên sự nghi ngờ, nghị kỵ lẫn nhau giữa các Phòng, Ban, giữa các cán bộ, công chức trong UBND huyện Quan Sơn và đặc biệt là đã gây mất niềm tin về công tác đảm bảo ANTT, ATXH trong UBND huyện Quan Sơn nói riêng và trên địa bàn huyện Quan Sơn nói chung. Các Phòng, Ban và đại diện Lãnh đạo UBND huyện Quan Sơn đã có Văn bản đề nghị xử lý nghiêm khắc. Do đó, hành vi của bị

cáo cần phải được xử lý nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với bị cáo:

* Về Nhân thân: Ngày 25/11/2020, Nguyễn Đức T bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/12/2020 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/12/2020 thì bản án HSST số 43 ngày 25/11/2020 của TAND thành phố Thanh Hóa xét xử bị cáo chưa có hiệu lực pháp luật nên không xác định là tiền án. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách được xác định như sau: “Trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo, bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm”. Bản án HSST số 43 ngày 25/11/2020 của TAND thành phố Thanh Hóa xét xử đối với bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Như vậy, hành vi phạm tội ngày 25/12/2020 của bị cáo được xác định là phạm tội trong thời gian thử thách của bản án HSST số 43 ngày 25/11/2020 của TAND thành phố Thanh Hóa nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án HSST số 43 ngày 25/11/2020 của TAND thành phố Thanh Hóa và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự để đưa ra hình phạt chung của 02 bản án đối với bị cáo.

* Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

* Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; phạm tội trong trường hợp gây thiệt hại không lớn. Ngoài ra, trong quá trình làm việc, bị cáo đã được cơ quan, đơn vị nơi bị cáo công tác khen thưởng, bố bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt chính: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy: Cần lên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để nhằm răn đe và phòng ngừa chung. HĐXX cũng xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện tại bị cáo đã bị đình chỉ công tác, không có thu nhập, phải thuê nhà ở và đang phải nuôi con ăn học nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lương Thị H khai báo số tiền bị mất là 20.000.000đ, còn Nguyễn Đức T chỉ thừa nhận đã trộm cắp của chị H số tiền 1.500.000đ. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không đủ căn cứ khẳng định Nguyễn Đức T đã trộm cắp số tiền 20.000.000đ như bị hại khai báo mà chỉ có căn cứ xác định được bị cáo đã trộm cắp số tiền 1.500.000đ. Chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.500.000đ của chị Lương Thị H mà bị cáo đã trộm cắp cần trả lại cho chị H theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc ví da màu nâu 02 ngăn khóa, tình trạng đã qua sử dụng; số tiền 19.500.000đ và 01 (một) Điện thoại di động OPPO A7, số IMEI 1: 864267041097593, số IMEI 2: 864267041097585, gắn 02 (hai) số thuê bao gồm: 0943551975 và 0915850255, tình trạng máy đã qua sử dụng. Số tài sản trên là của Nguyễn Đức T, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Nguyễn Đức T là phù hợp.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 173; Điều 38; khoản 2 Điều 47; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của BLHS.

Điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2020/HS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh

Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2021, được trừ 03 (ba) ngày bị cáo bị tạm giữ trước đó (từ ngày 29/12/2020 đến ngày 01/01/2021).

*** Về xử lý vật chứng:**

- Trả lại cho chị Lương Thị H số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Nguyễn Đức T số tiền 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) Ví da màu nâu 02 ngăn khóa, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) Điện thoại di động OPPO A7, số IMEI 1: 864267041097593, số IMEI 2: 864267041097585, Số thuê bao theo máy số sim 1: 0943551975; Số sim 2: 0915850255, tình trạng máy đã qua sử dụng.

Số vật chứng, tài sản trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/5/2021.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Công an huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

